



APAC Cybersecurity Fund



The Asia Foundation



BÁO CÁO

DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ, LÃNH ĐẠO: NHU CẦU ĐÀO TẠO VỀ AN TOÀN THÔNG TIN TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

HÀ NỘI, THÁNG 7/2024



CyberPeace
Institute



GLOBAL
CYBER
ALLIANCE

với sự hỗ trợ từ 

BÁO CÁO

**DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ
LÀM CHỦ, LÃNH ĐẠO:
NHU CẦU ĐÀO TẠO
VỀ AN TOÀN THÔNG TIN
TRONG NỀN KINH TẾ SỐ**

Hà Nội, tháng 7/2024

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC), thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Quỹ Châu Á tại Việt Nam (TAF) đã hỗ trợ chúng tôi thực hiện Báo cáo Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo: Nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số.

Báo cáo được nhóm tư vấn thực hiện nhằm tổng hợp thông tin, số liệu về các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo, từ đó đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số, góp phần triển khai hiệu quả Dự án “Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo tại Việt Nam” thực hiện trong thời gian từ 2024 đến năm 2027.

Chúng tôi cũng xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến tất cả các đối tác, tổ chức Hiệp hội, doanh nghiệp và cá nhân đã nhiệt tình tham gia đóng góp thông tin quý báu cho báo cáo này.

Chúng tôi trân trọng gửi lời cảm ơn ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp tại TAF như: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh, Bà Trần Giang Linh và cảm ơn ý kiến đóng góp của các chuyên gia của Viện Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội (ITI).

Chúng tôi đã nỗ lực để đảm bảo tính chính xác và khách quan của các thông tin, số liệu trong báo cáo. Tuy nhiên, do giới hạn của mẫu thu thập thông tin, thời gian thu thập thông tin, tính chất phức tạp của các sự cố về an toàn thông tin và sự thay đổi không ngừng của công nghệ, chúng tôi không thể đảm bảo rằng tất cả thông tin trong báo cáo đều hoàn toàn chính xác và cập nhật. Vì vậy, nhóm tư vấn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý vị.

Miễn trừ trách nhiệm: Các nhận định và mọi ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của nhóm tư vấn, không đại diện cho quan điểm của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hay Quỹ Châu Á tại Việt Nam và những cá nhân hoặc tổ chức chúng tôi nêu tên.

Mục lục

Lời cảm ơn	2
Giới thiệu	5
Nội dung báo cáo	7
I. Thông tin chung về báo cáo	7
1. Mục tiêu	7
1.1. Mục tiêu chung	7
1.2. Mục tiêu cụ thể	7
2. Phạm vi và đối tượng	8
3. Phương pháp nghiên cứu	8
3.1. Nghiên cứu định lượng	8
3.2. Nghiên cứu định tính	8
II. Thông tin chung về các tổ chức Hiệp hội và doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo	9
1. Thông tin về các tổ chức Hiệp hội	9
2. Thông tin về các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo	10
III. Đánh giá nhu cầu đào tạo an toàn thông tin của các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo	12
1. Đánh giá nhận thức, tình trạng thực hiện an toàn thông tin	12
2. Đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số	19
2.1. Đối với các tổ chức Hiệp hội	19
2.2. Đối với các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo	21
IV. Một số đề xuất hoạt động đào tạo về an toàn thông tin	26
1. Đối với các tổ chức Hiệp hội	26
2. Đối với Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo	26
3. Về nội dung đào tạo	27
4. Về hình thức tổ chức	28
5. Giảng viên	28

Danh mục biểu đồ

Hình 1: Quy mô doanh nghiệp (theo số lao động sử dụng)	9
Hình 2: Độ tuổi hội viên	10
Hình 3: Độ tuổi của nữ chủ doanh nghiệp	10
Hình 4: Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	11
Hình 5: Số lượng lao động của doanh nghiệp	11
Hình 6: Độ tuổi chủ doanh nghiệp và quy mô doanh nghiệp	12
Hình 7: Doanh nghiệp đã từng gặp sự cố liên quan đến an toàn thông tin chưa?	13
Hình 8: Mối quan hệ giữa sự cố an toàn thông tin và quy mô doanh nghiệp	14
Hình 9: Bảo vệ an toàn thông tin trong doanh nghiệp là nhiệm vụ của ai?	15
Hình 10: Đây là những rào cản đối với doanh nghiệp khi thực hiện an toàn thông tin?	17
Hình 11: Để phòng ngừa rủi ro liên quan đến an toàn thông tin thì doanh nghiệp dự kiến làm gì?	18
Hình 12: Quý Doanh nghiệp đã ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ chưa?	19
Hình 13: Mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và việc ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ	19
Hình 14: Hình thức đào tạo nào phù hợp nhất (theo ý kiến của các tổ chức)	20
Hình 15: Thời lượng đào tạo các hội viên thấy phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tiếp?	20
Hình 16: Theo tổ chức, các chủ đề nào sau đây các hội viên có nhu cầu được đào tạo	20
Hình 17: Hình thức hỗ trợ sau đào tạo	21
Hình 18: Quý Doanh nghiệp có nhu cầu được đào tạo nâng cao năng lực về an toàn thông tin trong nền kinh tế số không?	21
Hình 19: Doanh nghiệp quan tâm đến chủ đề đào tạo nào sau đây?	22
Hình 20: Liên quan đến đào tạo về an toàn thông tin, Quý doanh nghiệp quan tâm đến chủ đề nào sau đây?	23
Hình 21: Thời lượng đào tạo phù hợp	24
Hình 22: Chọn thời lượng đào tạo phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tiếp theo quy mô doanh nghiệp	24
Hình 23: Nhu cầu và hình thức hỗ trợ sau đào tạo	25

Giới thiệu

Xu hướng số hóa trong các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng thể hiện rõ khi các nền tảng và công cụ kỹ thuật số trở thành động lực chính cho sự bền vững và tăng trưởng kinh doanh của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) của Việt Nam, đặc biệt sau ảnh hưởng của đại dịch COVID. Tuy nhiên, sự phổ biến ngày càng tăng của công nghệ số trong nền kinh tế đã đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam một thách thức mới: đối mặt với an toàn thông tin (ATTT), đặc biệt là trên môi trường số. Theo báo cáo của Kaspersky, số vụ lây nhiễm mã độc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tăng 5% trong quý 1/2024, so với cùng kỳ năm ngoái¹. Điều này cho thấy không có sự cải thiện nào từ năm 2022 khi Việt Nam được ghi nhận là quốc gia dễ bị tổn thương thứ ba ở Đông Nam Á về các mối đe dọa an ninh mạng, chỉ sau Indonesia và Thái Lan. Quý 1/2024, tại Việt Nam, số lượng chiến dịch tấn công Ransomware mã hóa dữ liệu và hạ tầng ảo hóa của tổ chức, doanh nghiệp tăng 70% so với cùng kỳ năm 2023. Chiến dịch tấn công đang hoạt động mạnh, có chủ đích và nhắm vào các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam². Điều này đòi hỏi phải có những hành động kịp thời để thu hẹp khoảng cách giữa bối cảnh kỹ thuật số đầy rủi ro với thực tiễn và hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và lãnh đạo, giúp họ nâng cao năng lực thích ứng an toàn trên không gian mạng và phát triển trong nền kinh tế số.

Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC) thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Quỹ Châu Á tại Việt Nam (TAF) thực hiện dự án **“Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo tại Việt Nam”** từ 2024 đến 2027. Mục tiêu của dự án nhằm hỗ trợ phát triển và tăng trưởng của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo thông qua nâng cao năng lực sử dụng hiệu quả kỹ thuật số để tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp trong nền kinh tế số. Một trong những nội dung của dự án là nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo là về an toàn thông tin trong nền kinh tế số. Tháng 6/2024, nhóm tư vấn của VWEC đã thực hiện khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo, các số liệu tổng hợp được sẽ là cơ sở để thiết kế và xây dựng các hoạt động nâng cao năng lực phù hợp, hiệu quả hơn cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, việc tổng hợp thông tin, số liệu về tổ chức Hiệp hội của doanh nghiệp do nữ làm chủ cũng để VWEC có thêm cơ sở xây dựng kế hoạch cho các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hội viên của VWEC trong thời gian tới.

1 <https://thanhnien.vn/kaspersky-tinh-trang-tan-cong-mang-doanh-nghiep-vua-va-nho-gia-tang-185240628150022042.htm>

2 Báo cáo “Tình hình nguy cơ mất ATTT tại Việt Nam quý 1/2024”, Viettel Threat Intelligence

Việc tổng hợp thông tin, số liệu về nhóm đối tượng hưởng lợi và đánh giá nhu cầu đào tạo là bước đầu tiên trong quy trình đào tạo và giúp khẳng định đào tạo là giải pháp hợp lý nhất để nâng cao năng lực cho doanh nhân nữ và doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh. Đánh giá nhu cầu đào tạo là quá trình đánh giá, phân tích khoảng cách giữa nhận thức, thực trạng để từ đó tìm ra sự thiếu hụt về kiến thức, kỹ năng liên quan của doanh nhân nữ, doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo.



Nội dung báo cáo

I. Thông tin chung về báo cáo

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Báo cáo nhằm tổng hợp thông tin, số liệu về nhóm đối tượng hưởng lợi và đánh giá nhu cầu đào tạo nhằm góp phần triển khai hiệu quả Dự án **“Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo tại Việt Nam”** trong đó có nội dung về hỗ trợ nâng cao nhận thức về an toàn thông tin trong nền kinh tế số cho các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo. Dự án do Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam, thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Quỹ Châu Á tại Việt Nam thực hiện trong thời gian từ 2024 đến năm 2027.

Để thực hiện mục tiêu trên, nhóm tư vấn đã triển khai nghiên cứu, chọn mẫu và thực hiện gửi bảng hỏi lấy ý kiến và phỏng vấn sâu các Hiệp hội/Hội/Câu lạc bộ Doanh nhân nữ và Doanh nhân nữ trong mạng lưới hội viên của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam nhằm tìm hiểu, đánh giá mức độ nhận thức, tình hình thực tế và nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số của các doanh nghiệp do nữ làm chủ/lãnh đạo, để từ đó có thông tin về nhóm đối tượng hưởng lợi và xây dựng báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số của nhóm này.

Báo cáo này là cơ sở để Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam và Quỹ Châu Á xây dựng tài liệu, thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu và bối cảnh thực tế về an toàn thông tin của các Doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo tại Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng hợp thông tin, số liệu về nhóm đối tượng hưởng lợi của dự án là các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo trong mạng lưới của Hội đồng doanh nhân nữ Việt Nam và VCCI: quy mô doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, giai đoạn phát triển, thông tin nhân khẩu học về chủ doanh nghiệp;
- Tìm hiểu về mức độ hiểu biết của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo về an toàn thông tin;
- Tìm hiểu một số điểm chính về tình hình thực hiện an toàn thông tin trong doanh nghiệp;
- Tìm hiểu nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin của doanh nghiệp: chủ đề, thời lượng, hình thức đào tạo...

- Đề xuất chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo.

2. Phạm vi và đối tượng

- Phạm vi nghiên cứu: nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo trong đó tập trung vào nội dung khóa học, hình thức tổ chức khóa học, thời lượng của khóa học.
- Đối tượng lấy ý kiến, tìm hiểu nhu cầu:
 - Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo tại Việt Nam;
 - Hiệp hội/Hội/Câu lạc bộ Doanh nhân nữ (sau đây gọi là các Tổ chức Hiệp hội) trong mạng lưới của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam trên toàn quốc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Với nhiệm vụ tổng hợp thông tin, số liệu của nhóm đối tượng hưởng lợi và đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin thông qua các bên liên quan, nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng kết hợp với phương pháp định tính.

3.1. Nghiên cứu định lượng

Tập trung phân tích thống kê mô tả nhóm đối tượng hưởng lợi, nhận thức về an toàn thông tin, thực trạng công tác an toàn thông tin tại doanh nghiệp và nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin từ đó đề xuất nội dung, cách thức đào tạo an toàn thông tin trong nền kinh tế số đối với doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo. Cách thức thực hiện thông qua việc gửi bảng hỏi trực tuyến bằng Google form. Các câu hỏi được thiết kế theo hướng câu trả lời có 1 lựa chọn, nhiều lựa chọn, hoặc câu trả lời mở, với 13 câu hỏi đối với phiếu hỏi các tổ chức Hiệp hội và 18 câu hỏi đối với phiếu hỏi đối với cho doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo.

3.2. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu rà soát tài liệu thứ cấp, phỏng vấn sâu. Kết quả từ nghiên cứu định lượng, tài liệu thứ cấp được sử dụng kết hợp với kết quả từ phỏng vấn nhằm đưa ra những phát hiện của nghiên cứu. Cách thức thực hiện kết hợp trong cùng thời gian thực hiện nghiên cứu định lượng, với phương pháp phỏng vấn sâu 06 đối tượng là Hội Doanh nhân nữ và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo tại Hà Nội, Hải Dương và Hưng Yên. Bảng hỏi phỏng vấn sâu gồm các câu hỏi được thiết kế tương tự với bảng hỏi định lượng và có phần chi tiết hơn đối với từng đặc điểm của doanh nghiệp/hiệp hội. Trong quá trình phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã đặt ra các câu hỏi thảo luận mở để làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình phỏng vấn.

Một số hạn chế của phương pháp nghiên cứu:

- Mẫu phỏng vấn sâu chỉ tập trung ở khu vực phía Bắc;
- Phương pháp nghiên cứu định lượng có thể không phản ánh được đầy đủ các yếu tố cảm tính và kinh nghiệm cá nhân của doanh nghiệp;

- Mẫu điều tra định lượng chọn ngẫu nhiên trên phạm vi toàn quốc, tuy nhiên tỉ lệ trả lời phiếu lại tập trung ở khu vực Miền Bắc nhiều hơn có thể do các tổ chức Hiệp hội, doanh nhân nữ trong mạng lưới của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam tại khu vực Phía Bắc rộng lớn hơn và có sự liên hệ thường xuyên hơn;
- Khoảng thời gian triển khai thu thập ý kiến ngắn nên bảng hỏi thiết kế chưa được chi tiết, tập trung đánh giá nhanh về nhận thức và nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo.

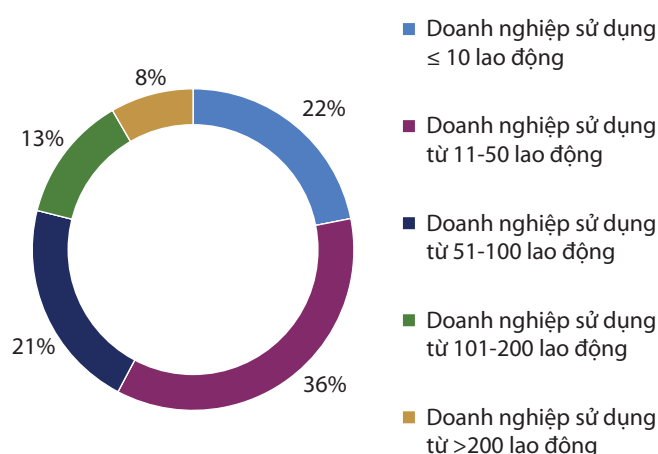
II. Thông tin chung về các tổ chức Hiệp hội và doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo

1. Thông tin về các tổ chức Hiệp hội

Trong tổng số 34 tổ chức Hiệp hội trong mạng lưới của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam trên phạm vi toàn quốc mà nhóm tư vấn đã gửi bảng hỏi, có 21 tổ chức Hiệp hội đã trả lời bảng hỏi (tỉ lệ trả lời khoảng 62%). Như vậy nhóm tư vấn đã thu được 21 phiếu tại 21 tỉnh/thành phố (mỗi tỉnh/thành phố 1 phiếu), trong đó tỉ lệ trả lời phiếu của các tổ chức Hiệp hội tại khu vực phía Bắc chiếm phần lớn 57,14%, khu vực Miền Trung 23,81% và khu vực Miền Nam chiếm tỷ lệ thấp hơn là 19,05%. Các tổ chức Hiệp hội không trả lời phiếu phần lớn là chưa quan tâm hoặc chưa có dữ liệu chi tiết về hội viên theo yêu cầu của bảng hỏi. 21 tổ chức Hiệp hội này có tổng số 3.262 hội viên, trong đó tổ chức ít hội viên nhất là Câu lạc bộ doanh nhân nữ tỉnh Cà Mau có 25 hội viên, tổ chức nhiều hội viên nhất là Hội doanh nhân nữ tỉnh Thái Nguyên có 360 hội viên. Người trả lời phỏng vấn chủ yếu là cấp lãnh đạo (Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội) chiếm 62%, còn lại 38% người trả lời từ cấp Trưởng ban trở lên.

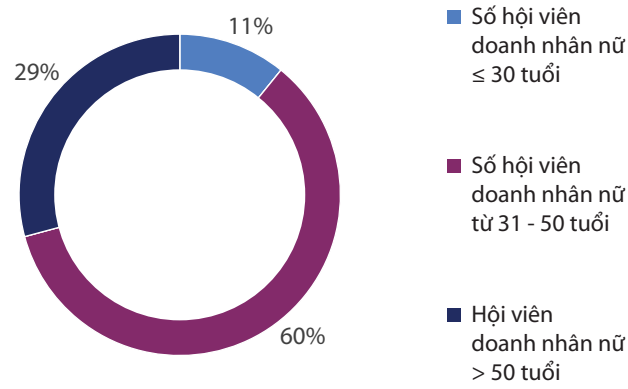
Về quy mô của các doanh nghiệp hội viên: Các doanh nghiệp có lao động từ 10-50 người chiếm tỷ lệ lớn nhất (36%), chiếm tỷ lệ nhỏ nhất là các doanh nghiệp có số lao động trên 200 người (8%). Điều này có thể là một chỉ dấu cho thấy doanh nghiệp quy mô nhỏ tham gia các tổ chức Hiệp hội nhiều hơn so với các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn, họ có nhu cầu lớn hơn trong việc kết nối, học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác kinh doanh, hoặc cùng nhau góp tiếng nói để đề xuất vấn đề với cơ quan quản lý. (xem hình 1).

HÌNH 1: Quy mô doanh nghiệp (theo số lao động sử dụng)



Về độ tuổi các nữ chủ doanh nghiệp hội viên: Phần lớn hội viên nữ doanh nhân nằm trong độ tuổi từ 31-50, chiếm tỷ lệ lớn nhất với 60%. Điều này cho thấy phần lớn hội viên là những người trong độ tuổi trung niên, thường là giai đoạn mà họ đã tích lũy được kinh nghiệm và đang phát triển sự nghiệp. Nhóm trên 50 tuổi chiếm 29% tức là gần một phần ba số hội viên, đây là một tỉ lệ đáng kể. Nhóm nữ doanh nhân trẻ dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ thấp nhất (11%). (xem hình 2).

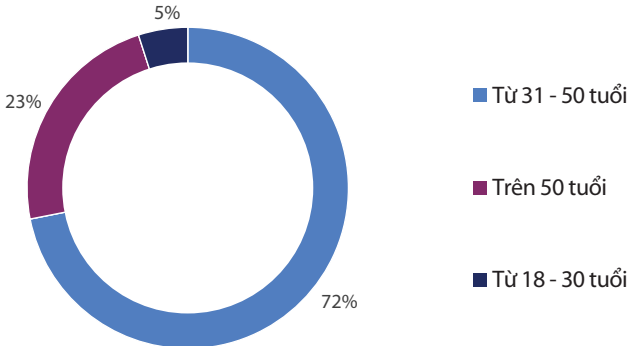
HÌNH 2: Độ tuổi hội viên



2. Thông tin về các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo

Nhóm tư vấn đã thu được tổng số 122 phiếu trả lời của các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo thuộc 29 tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng số phiếu này thu được bằng cách gửi bảng hỏi thông qua đầu mối 34 tổ chức Hiệp hội để các tổ chức này gửi tới cho doanh nghiệp điền phiếu trực tiếp. Ngoài ra, nhóm tư vấn gửi phiếu hỏi trực tiếp tới 100 doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo trong mạng lưới của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam trên phạm vi toàn quốc. Tỷ lệ trả lời phiếu của các doanh nghiệp do nữ làm chủ tại khu vực phía Bắc chiếm phần lớn là 57,37%, khu vực Miền Trung chiếm 15,57% và khu vực Miền Nam chiếm tỷ lệ 27,06%. Có nhiều doanh nghiệp và hội viên của các tổ chức Hiệp hội không trả lời bảng hỏi vì bận, hoặc chưa thực sự quan tâm hay còn e dè với việc điền thông tin dạng khảo sát.

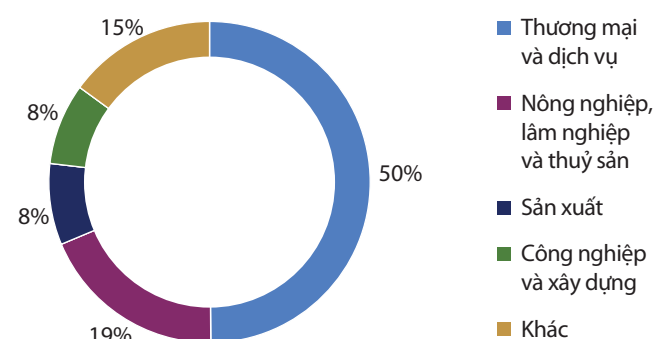
HÌNH 3: Độ tuổi của nữ chủ doanh nghiệp



Về độ tuổi của nữ chủ doanh nghiệp: Từ 31 đến 50 tuổi là nhóm độ tuổi chiếm tỷ lệ lớn nhất (72%) trong số chủ doanh nghiệp tham gia cuộc đánh giá. Nhóm trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ thấp hơn (23%) nhưng vẫn là một tỉ lệ đáng kể. Nhóm tuổi từ 18 đến 30 tuổi chiếm tỉ lệ nhỏ nhất, chỉ 5%. (xem hình 3).

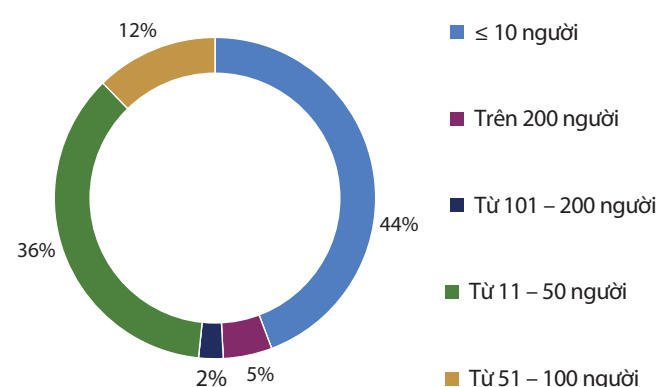
Về lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong 122 phiếu trả lời của các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo từ 29 tỉnh, thành phố trên cả nước thì có 50% doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; 19% hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; 8% hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng; 8% là doanh nghiệp sản xuất. (xem hình 4).

HÌNH 4: Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp



Về quy mô của các doanh nghiệp: Nhóm doanh nghiệp có từ 1 đến 10 người lao động chiếm tỷ lệ lớn nhất là 44%. Tiếp đến là tỷ lệ nhóm doanh nghiệp có từ 11 đến 50 người lao động chiếm 36%, đây là nhóm doanh nghiệp có quy mô vừa có thể thực hiện các hoạt động kinh doanh mở rộng nhưng vẫn giữ được sự linh hoạt. Nhóm doanh nghiệp có từ 51 đến 100 người lao động và nhóm doanh nghiệp có trên 200 người lao động chiếm tỷ lệ lần lượt là 12% và 5%. Nhóm doanh nghiệp có từ 101 đến 200 người lao động chiếm tỷ lệ nhỏ nhất là 2%.

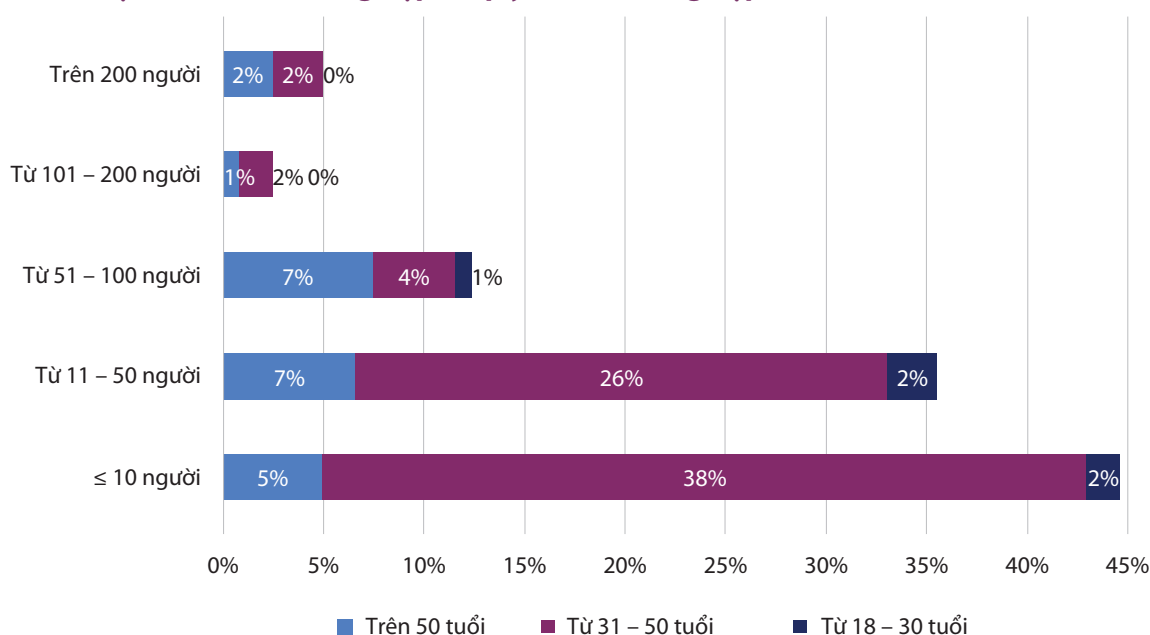
HÌNH 5: Số lượng lao động của doanh nghiệp



Biểu đồ này cho thấy sự phân bố chủ yếu của các doanh nghiệp là nhỏ và vừa, với phần lớn có số lượng lao động từ 1 đến 50 người. Điều này phản ánh đặc điểm cơ cấu của doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế, nơi các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ chiếm ưu thế. (xem hình 5)

Đáng lưu ý, nhóm doanh nghiệp có từ 100 lao động trở lên thì không có chủ doanh nghiệp ở độ tuổi 18-30 tuổi. Nhóm doanh nghiệp dưới 10 lao động thì có chủ doanh nghiệp ở độ tuổi 31-50 tuổi chiếm tỷ lệ lớn nhất (38%). Ngay ở cả các doanh nghiệp có số lao động từ 10-50 người thì chủ doanh nghiệp độ tuổi 31-50 cũng cao hơn nhiều so với các nhóm độ tuổi khác (26%). Điều này có thể thấy, độ tuổi 31-50 là độ tuổi đẹp để kinh doanh, lý giải cho điều này là thông thường ở tuổi trung niên này, phụ nữ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, ổn định về tài chính, kỹ năng quản lý và mạng lưới quan hệ đủ rộng, đó là những yếu tố thuận lợi để điều hành doanh nghiệp thành công. (xem hình 6).

HÌNH 6: **Độ tuổi chủ doanh nghiệp và quy mô doanh nghiệp**



III. Đánh giá nhu cầu đào tạo an toàn thông tin của các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo

1. Đánh giá nhận thức, tình trạng thực hiện an toàn thông tin

Qua một số báo cáo, nghiên cứu và thực tế làm việc với doanh nghiệp, những sự cố về an toàn thông tin phổ biến đối với doanh nghiệp Việt Nam có thể chia thành 5 nhóm là: tác nhân gây hại bên ngoài, bên thứ ba, khách hàng, cơ sở hạ tầng nội bộ, nhân sự nội bộ. Cụ thể như sau:

- Sự cố an toàn thông tin đến từ các tác nhân gây hại bên ngoài như tội phạm mạng, nhóm khủng bố, tin tặc. Nhóm này thường tiếp cận và thực hiện các hành vi như:
 - Chiếm đoạt tài khoản email doanh nghiệp để giả danh doanh nghiệp gửi cho khách hàng yêu cầu chuyển tiền đặt cọc đơn hàng.
 - Sử dụng email lừa đảo dụ nạn nhân nhấp vào liên kết độc hại hoặc tải xuống phần mềm độc hại.
 - Đánh cắp dữ liệu
 - Thâm nhập vào hệ thống.
- Sự cố an toàn thông tin đến từ bên thứ ba: là sự cố gây ra bởi các tác nhân cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp như: các nhà cung cấp công nghệ đám mây, nơi lưu trữ tài liệu,

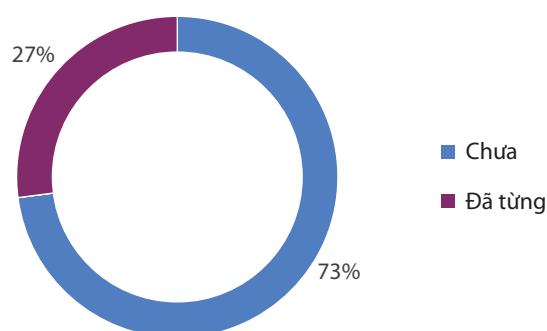
dữ liệu hoặc hệ thống quan trọng; đối tác, nhà thầu những người được doanh nghiệp cấp quyền truy cập quá mức cần thiết để thực hiện công việc trong phạm vi hợp tác dẫn đến làm lộ dữ liệu bí mật, nhạy cảm của doanh nghiệp ví dụ như công ty quảng cáo, đại diện truyền thông được thuê để đăng bài các kênh truyền thông trực tuyến (website, trang Facebook doanh nghiệp, trang Tiktok, LinkedIn, Youtube,...) nhưng doanh nghiệp cấp quyền cao hơn mức công việc này thì có rủi ro mất tài khoản, mất thông tin dữ liệu khách hàng.

- Sự cố an toàn thông tin đến từ khách hàng khi khách hàng chia sẻ thông tin hoặc dữ liệu cá nhân với sai người, bị lừa sử dụng phần mềm độc hại.
- Sự cố an toàn thông tin về an ninh cơ sở hạ tầng gồm máy tính và thiết bị đầu cuối, hệ thống mạng, tài nguyên đám mây (cả phần cứng và phần mềm). An ninh cơ sở hạ tầng không chỉ bao gồm bảo vệ khỏi một cuộc tấn công mạng truyền thống mà còn bao gồm bảo vệ khỏi thiên tai (lũ lụt, ngập nước,...) hoặc những sự cố do sơ ý của con người (cháy, nổ,...).
- Sự cố an toàn thông tin từ nhân sự nội bộ. Đây là mối đe dọa phổ biến, xuất phát từ những sai sót, thiếu hiểu biết, thiếu nhận thức về an ninh mạng của nhân sự chẳng hạn như làm mất thiết bị, sử dụng mật khẩu yếu, vô tình tiết lộ thông tin nhạy cảm, không bảo mật thông tin, trở thành đối tượng của một cuộc tấn công kỹ thuật số. Bên cạnh đó, nhân sự nội bộ cố tình lạm dụng thông tin xác thực hợp pháp để đánh cắp thông tin bán lấy tiền, sửa, xóa dữ liệu quan trọng, bí mật; cố tình cài đặt phần mềm độc hại làm gián đoạn hoạt động của hệ thống.

Theo số liệu thu thập được, khá nhiều doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo đã từng gặp sự cố về an toàn thông tin: Có tới 27% doanh nghiệp đã từng gặp sự cố về an toàn thông tin, 73% doanh nghiệp chưa từng gặp sự cố về an toàn thông tin. (xem hình 7).

Trong 04 doanh nghiệp phỏng vấn sâu tại Hà Nội, Hải Dương và Hưng Yên thì có 01 doanh nghiệp đã từng gặp sự cố về an toàn thông tin có gây ra thiệt hại về tài chính, cụ thể: doanh nghiệp bị đánh cắp tài khoản thư điện tử, bị lấy cắp thông tin giao dịch đơn hàng với khách hàng nước ngoài dẫn đến thiệt hại về tài chính; máy tính phòng kế toán của công ty bị nhiễm virus tấn công gây cản trở công việc.

HÌNH 7: Doanh nghiệp đã từng gặp sự cố liên quan đến an toàn thông tin chưa?



Một doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tại miền Bắc, Việt Nam đã gặp phải một sự cố về an toàn thông tin như sau:

Tài khoản email của nhân viên phòng xuất khẩu đã bị chiếm quyền kiểm soát bởi kẻ lừa đảo. Kẻ lừa đảo đã sử dụng địa chỉ email này để giao dịch với một khách hàng ở Úc và đề nghị họ đặt cọc 50% giá trị cho đơn hàng sắp tới. Tin tưởng vào tính xác thực của email, khách hàng ở Úc đã chuyển khoản tạm ứng như yêu cầu.

Tuy nhiên, khi đến hạn nhưng khách hàng không nhận được hàng, họ đã liên lạc lại với công ty để đòi hàng. Lúc này, công ty mới phát hiện ra sự việc và nhận ra rằng email của nhân viên phòng xuất khẩu đã bị chiếm đoạt và lợi dụng.

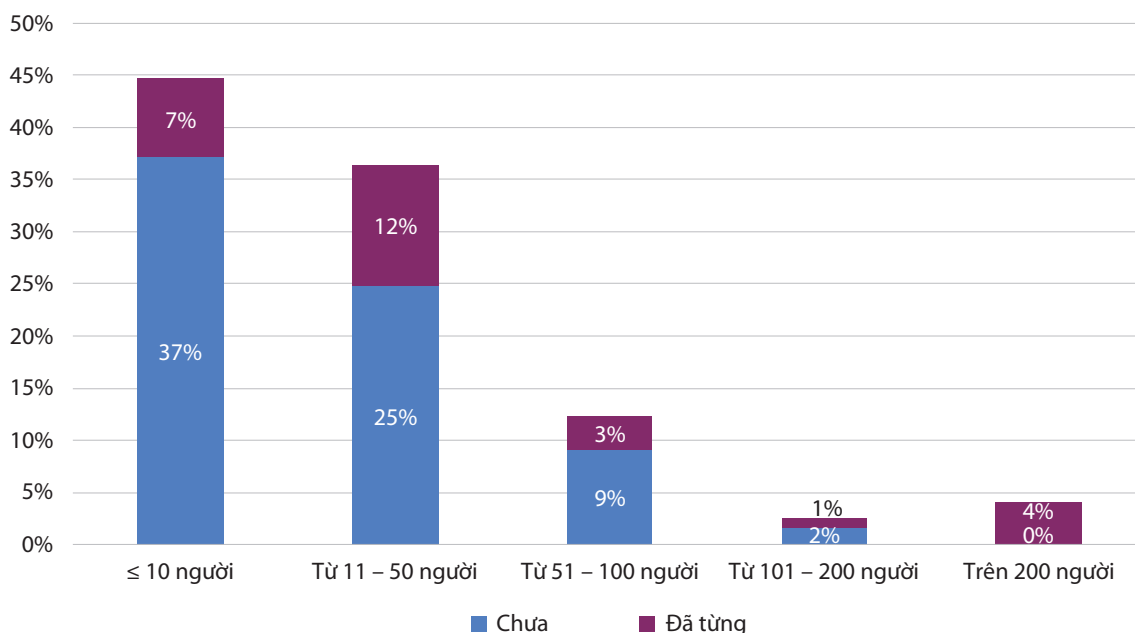
Để bảo vệ danh tiếng và mối quan hệ kinh doanh với khách hàng, công ty đã quyết định giao đơn hàng như đã cam kết. Điều này đã khiến công ty chịu tổn thất 50% giá trị của đơn hàng do khoản tiền đặt cọc đã bị kẻ lừa đảo chiếm đoạt.

Vụ việc này là một bài học đắt giá về tầm quan trọng của an toàn thông tin trong kinh doanh quốc tế. Sau vụ việc này, công ty đã thực hiện ngay một số hành động như thay thế hệ thống email bằng một hệ thống email bảo mật hơn, đào tạo nhân viên về an toàn thông tin để tránh tái diễn sự cố tương tự.

(Nguồn: một doanh nghiệp tham gia phỏng vấn sâu)

100% doanh nghiệp quy mô lớn đã từng gặp sự cố an toàn thông tin. Điều này phản ánh đúng thực trạng hiện nay là tin tặc thường nhắm vào các doanh nghiệp lớn để tấn công. Quy mô doanh nghiệp tăng lên thì rủi ro mất an toàn thông tin cũng tăng lên. (xem hình 8).

HÌNH 8: Mối quan hệ giữa sự cố an toàn thông tin và quy mô doanh nghiệp

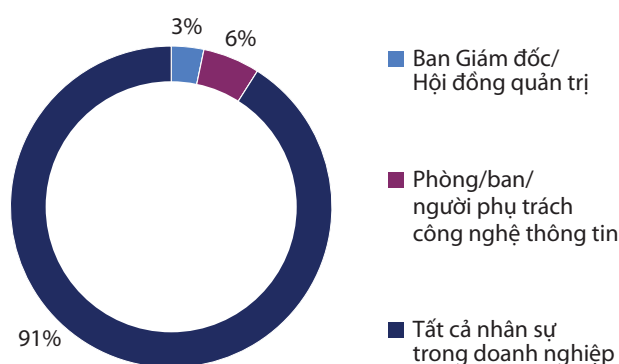


Phần lớn doanh nghiệp đã nhận thức đúng về trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin là của toàn bộ nhân viên.

An toàn thông tin doanh nghiệp được đảm bảo khi toàn bộ nhân viên doanh nghiệp, khách hàng, đối tác và bên thứ ba nhận thức được các mối nguy cơ và các vấn đề liên quan tới an toàn thông tin, trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của họ. Các nhóm đối tượng này cần được trang bị các kiến thức, điều kiện cần thiết nhằm hỗ trợ chính sách an toàn thông tin doanh nghiệp trong quá trình làm việc, giảm thiểu các rủi ro do con người gây ra.

Có đến 91% doanh nghiệp nhận thức đúng được trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin là của toàn bộ nhân viên. Kết quả nhận thức này có được do nhiều doanh nghiệp đã được tham gia những khóa học, hội thảo về an toàn thông tin, an ninh mạng của Hội đồng doanh nhân nữ Việt Nam, Sở thông tin và Truyền thông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các kênh truyền thông. Tuy nhiên, vẫn còn 6% doanh nghiệp cho rằng việc này là nhiệm vụ của phòng/ban/người phụ trách công nghệ thông tin và 3% cho rằng đó là nhiệm vụ của ban giám đốc/hội đồng quản trị. (xem hình 9)

HÌNH 9: Bảo vệ an toàn thông tin trong doanh nghiệp là nhiệm vụ của ai?



Qua phỏng vấn sâu các doanh nghiệp, hiệp hội cho thấy nhiều doanh nghiệp đã thực hiện những biện pháp an toàn thông tin nhưng còn chưa đầy đủ như:

- Sao lưu dữ liệu định kỳ, 1 lần/năm vào ổ cứng rời và ban giám đốc sẽ lưu giữ trong văn phòng làm việc nhưng chưa biết và chưa tuân thủ nguyên tắc 3-2-1 (tập dữ liệu quan trọng cần được sao thành 3 file, lưu ở 2 thiết bị khác nhau, 1 bản lưu để ở ngoài công ty).
- Sử dụng các phần mềm uy tín của những đơn vị cung cấp giải pháp trong nước như: kế toán, lương, quản lý kho, quản lý sản xuất,... nhưng chưa sử dụng đồng bộ các giải pháp của một nhà cung cấp giải pháp phần mềm do chi phí cao.
- Chỉ cài đặt phần mềm diệt virus ở một số máy tính kế toán, giám đốc.
- Cho phép khách dùng chung mạng wifi với nhân viên công ty.
- Nhân viên được mang máy tính cá nhân vào làm việc.
- Có cập nhật phần mềm theo khuyến nghị của đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm.
- Tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên về những hình thức lừa đảo qua mạng, qua email đến các nhân viên thông qua hệ thống email, nhóm viber/zalo của công ty chứ chưa tổ chức đào tạo trực tiếp (in-person) định kỳ.

- Chỉ chú trọng thông tin dữ liệu kế toán mà chưa quan tâm đến bảo mật, an toàn dữ liệu khách hàng, đối tác, nhân viên, ... một cách tổng thể.
- Coi bộ phận Công nghệ thông tin chỉ làm cài đặt, sửa chữa máy móc chứ không phải làm việc bảo mật, an toàn thông tin, an ninh mạng.
- Bố trí nhân sự kiêm nhiệm công nghệ thông tin, an toàn thông tin là cán bộ hành chính nhân sự hoặc kế toán hoặc nhân viên marketing. Không có nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.
- Trong hợp đồng lao động ký tuyển dụng vị trí cấp quản lý (tương đương trưởng phòng) đã có 1 điều khoản về thỏa thuận bảo mật thông tin (NDA) chứ chưa ký riêng 1 bản NDA.

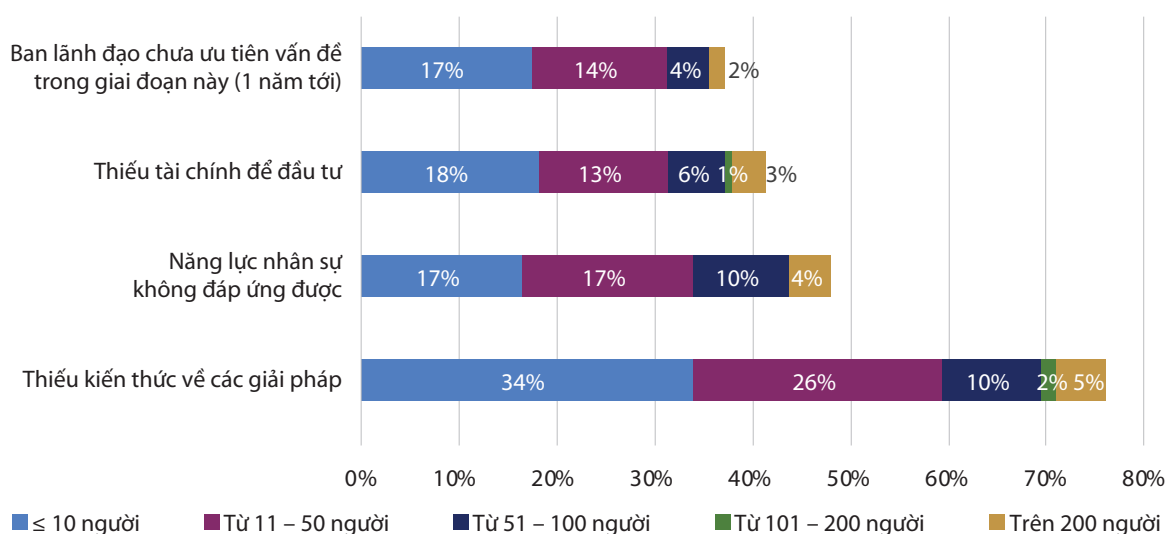
Thiếu kiến thức về các giải pháp là rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp khi thực hiện an toàn thông tin.

Nhân lực, quy trình và công nghệ đáng tin cậy là những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro an toàn thông tin. Song phần lớn các doanh nghiệp cho biết đều đối mặt với trở ngại liên quan đến các yếu tố này. Rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp khi thực hiện an toàn thông tin là thiếu kiến thức về các giải pháp (76%), tiếp theo đó là lo ngại năng lực nhân sự không đáp ứng được (48%), thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư (40%). Mặc dù, ở các quy mô khác nhau nhưng vấn đề về thứ tự các rào cản của các doanh nghiệp khá tương đồng, trừ doanh nghiệp có quy mô sử dụng từ 101 – 200 lao động cho biết họ chỉ gặp phải 2 rào cản là: thiếu thông tin về giải pháp (2%) và thiếu tài chính để đầu tư (1%).

An toàn thông tin của mỗi doanh nghiệp bắt đầu và kết thúc ở cấp quản lý cao nhất. Trước bối cảnh những rủi ro ngày càng tăng cao, an toàn thông tin không chỉ là vấn đề của kiểm soát nội bộ mà còn là một công cụ quan trọng hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng lòng tin với khách hàng và tăng trưởng kinh doanh bền vững. Tuy nhiên, kết quả lấy ý kiến cho thấy có đến 37% ban lãnh đạo chưa ưu tiên vấn đề an toàn thông tin trong giai đoạn này. Nguyên nhân của vấn đề này có thể là: ban lãnh đạo chưa thấy tính cấp bách của vấn đề vì 73% doanh nghiệp tham gia trả lời câu hỏi đều chưa gặp sự cố về an toàn thông tin (2) họ cho rằng có nhiều sự phức tạp có thể tránh được mà chưa cần đến các biện pháp an toàn thông tin (3) các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin chỉ thêm việc, thêm người, thêm tiền mà chưa thấy có tác dụng gì cụ thể cho doanh nghiệp (4) doanh nghiệp đang ở quy mô nhỏ, hoạt động kinh doanh đơn thuần nên sẽ chưa có rủi ro về an toàn thông tin. (xem hình 10)



HÌNH 10: **Đâu là những rào cản đối với doanh nghiệp khi thực hiện an toàn thông tin?**



Đào tạo về an toàn thông tin cho toàn bộ nhân viên là giải pháp hàng đầu được doanh nghiệp lựa chọn để phòng ngừa rủi ro liên quan đến an toàn thông tin.

Nhằm tìm hiểu kế hoạch cải thiện công tác đảm bảo an toàn thông tin trong thời gian tới của doanh nghiệp, nhóm tư vấn đặt ra câu hỏi đồng thời là đề xuất 6 giải pháp cơ bản phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ để cải thiện tình trạng đảm bảo an toàn thông tin bao gồm:

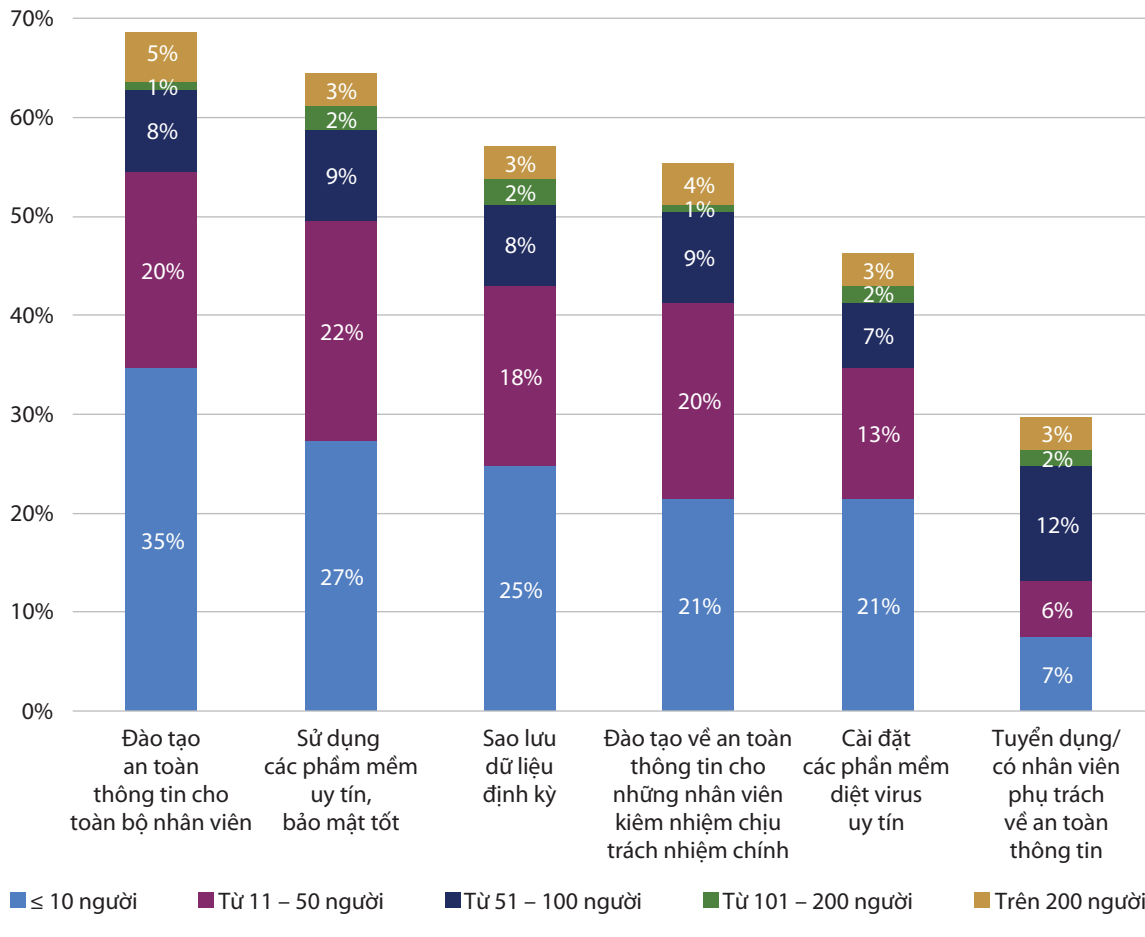
- Đào tạo về an toàn thông tin cho những nhân viên kiêm nhiệm chịu trách nhiệm chính
- Đào tạo an toàn thông tin cho toàn bộ nhân viên
- Cài đặt các phần mềm diệt virus uy tín, tường lửa
- Sử dụng các phần mềm uy tín, bảo mật tốt
- Sao lưu dữ liệu định kỳ (theo tháng/quý)
- Tuyển dụng/có nhân viên phụ trách về an toàn thông tin

Nhìn tổng thể, giải pháp hàng đầu được doanh nghiệp chọn là đào tạo về an toàn thông tin cho toàn bộ nhân viên (69%), tiếp theo đó là sử dụng các phần mềm uy tín, bảo mật tốt (64%), sao lưu dữ liệu định kỳ (57%), đào tạo về an toàn thông tin cho những nhân viên kiêm nhiệm chịu trách nhiệm chính (55%), cài đặt các phần mềm diệt virus, tường lửa (46%). Giải pháp tuyển dụng hoặc có nhân viên chuyên trách về an toàn thông tin được doanh nghiệp lựa chọn ít nhất, chỉ 30%. (xem hình 11).

Khi phân theo quy mô doanh nghiệp thì có đôi chút sự khác nhau về giải pháp được chọn nhiều nhất, cụ thể là: doanh nghiệp siêu nhỏ (dưới 10 lao động) và doanh nghiệp lớn (trên 200 lao động) chọn đào tạo an toàn thông tin cho toàn bộ nhân viên. Trong khi đó doanh nghiệp sử dụng 11-50 lao động, 51-100 lao động ưu tiên sử dụng các phần mềm uy tín, bảo mật tốt;

doanh nghiệp sử dụng 101 – 200 lao động có đến 4 giải pháp mức chọn cao bằng nhau là: sử dụng các phần mềm uy tín, sao lưu dữ liệu, đào tạo an toàn thông tin cho nhân viên kiêm nhiệm, tuyển dụng/có nhân viên phụ trách về an toàn thông tin.

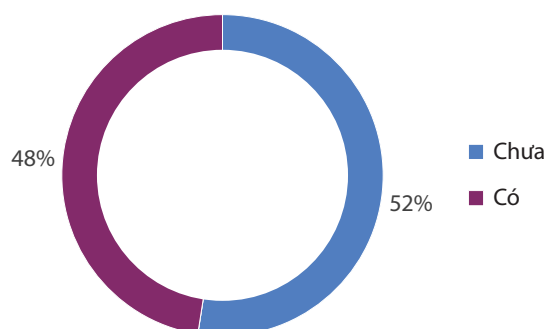
HÌNH 11: Để phòng ngừa rủi ro liên quan đến an toàn thông tin thì doanh nghiệp dự kiến làm gì?



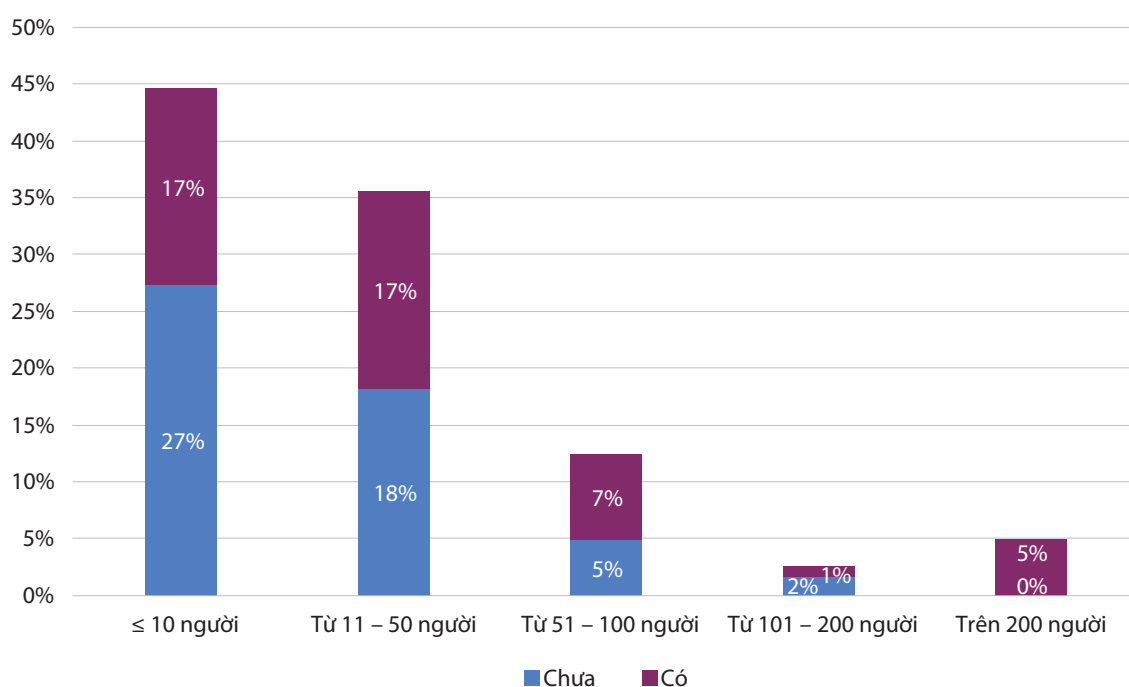
48% doanh nghiệp đã ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ.

Việc ban hành quy chế, quy định an toàn thông tin nội bộ là một bước đi chiến lược và cần thiết cho bất kỳ doanh nghiệp nào, bất kể quy mô. Nó không chỉ bảo vệ tài sản dữ liệu số - thông tin quý giá trong nền kinh tế số mà còn giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, xây dựng uy tín, tăng cường lòng tin của khách hàng, giảm thiểu rủi ro và tạo ra môi trường làm việc an toàn, hiệu quả. 48% doanh nghiệp tham gia trả lời cho biết đã ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ nhưng còn đến 52% doanh nghiệp chưa thực hiện việc này. (xem hình 12). 100% doanh nghiệp lớn đã ban hành các quy chế, quy định đảm bảo an toàn thông tin. Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện việc này cũng tăng tỷ lệ thuận với quy mô của doanh nghiệp. (xem hình 13).

HÌNH 12: Quý Doanh nghiệp đã ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ chưa?



HÌNH 13: Mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và việc ban hành các quy chế, quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ



2. Đánh giá nhu cầu đào tạo về an toàn thông tin trong nền kinh tế số

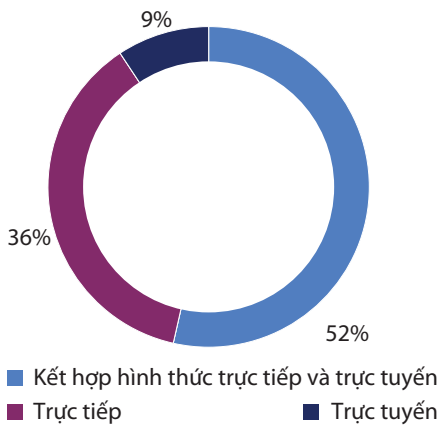
2.1. Đối với các tổ chức Hiệp hội

Qua phỏng vấn sâu, 2 tổ chức Hiệp hội tại Hưng Yên và Hải Dương, các tổ chức cho biết chưa có báo cáo nào đánh giá nhu cầu đào tạo an toàn thông tin trên địa bàn và họ chưa từng tổ chức

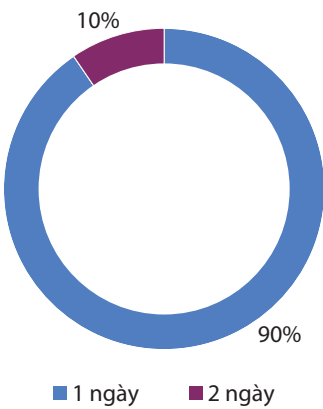
đào tạo về nội dung này cho hội viên do năng lực và nguồn lực chưa sẵn sàng, mặc dù nhận thức được vấn đề này cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

100% tổ chức cho biết có nhu cầu đào tạo cho hội viên về an toàn thông tin và 52 % chọn hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, 36% chọn hình thức trực tiếp và chỉ có 9% chọn hình thức đào tạo trực tuyến, và thời lượng học trực tiếp là 1 ngày. (xem hình 14 và hình 15).

HÌNH 14: Hình thức đào tạo nào phù hợp nhất (theo ý kiến của các tổ chức)

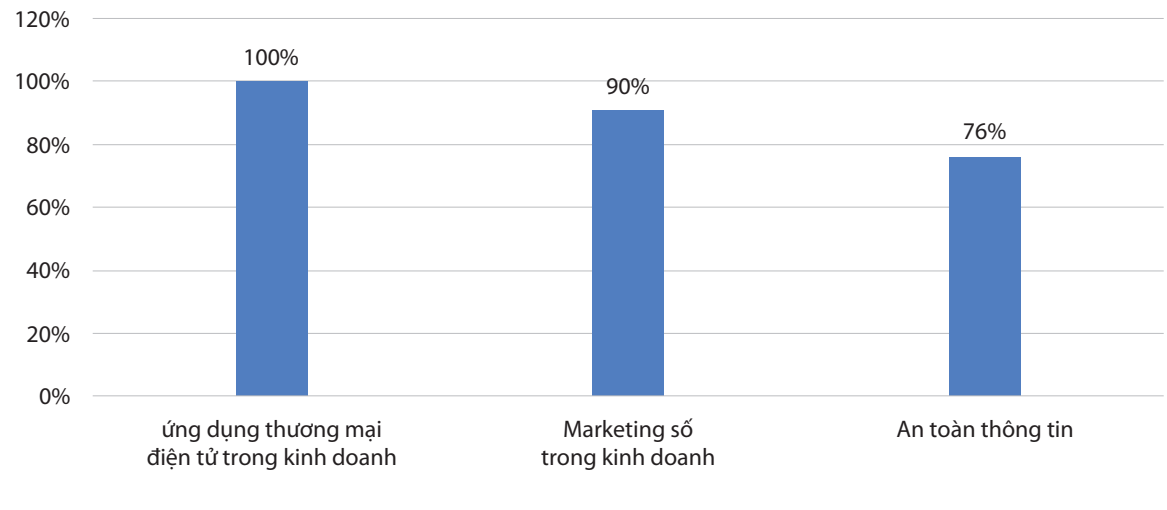


HÌNH 15: Thời lượng đào tạo các hội viên thấy phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tiếp?



100% các doanh nghiệp hội viên của các tổ chức Hiệp hội có nhu cầu học chủ đề ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, 97% muốn học về Marketing số trong kinh doanh và 76% chọn học chủ đề an toàn thông tin. (xem hình 16)

HÌNH 16: Theo tổ chức, các chủ đề nào sau đây các hội viên có nhu cầu được đào tạo



100% tổ chức Hiệp hội cho biết hội viên có nhu cầu được hỗ trợ sau đào tạo và 67% chọn hình thức hỗ trợ theo nhóm 10 doanh nghiệp/1 buổi tư vấn, 33% chọn hình thức tư vấn trực tuyến 1:1. (xem hình 17)

Như vậy, theo ý kiến của Tổ chức Hiệp hội cho thấy các hội viên có nhu cầu:

- Về chủ đề đào tạo: học về an toàn thông tin nhưng ưu tiên được học về ứng dụng thương mại điện tử, Marketing số trong kinh doanh còn cao hơn.
- Về hình thức đào tạo: ưu tiên cho hình thức đào tạo kết hợp (trực tuyến, trực tiếp)
- Về thời lượng phù hợp: 1 ngày
- Về hỗ trợ sau đào tạo: có mong muốn được hỗ trợ sau đào tạo.

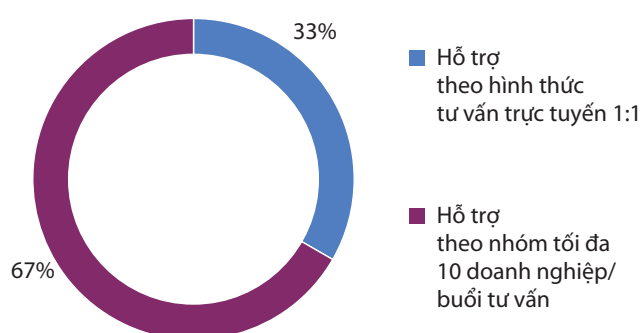
2.2 Đối với các doanh nghiệp do nữ làm chủ, lãnh đạo

Hầu hết, các doanh nghiệp có nhu cầu được đào tạo nâng cao năng lực về an toàn thông tin trong nền kinh tế số (96%). (xem hình 18).

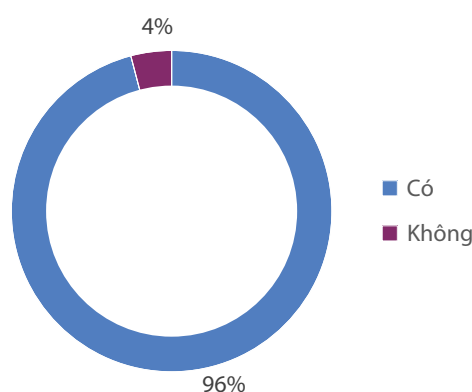
Theo kết quả từ bảng hỏi, khi được đề xuất 3 chủ đề đào tạo, các doanh nghiệp lựa chọn cao nhất là "An toàn thông tin" và "Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh" với tỷ lệ 73%. Điều này phản ánh nhận thức ngày càng cao của doanh nghiệp về tầm quan trọng của an toàn thông tin, cũng như sự phù hợp của chủ đề "Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh" với các nghiên cứu của VCCI, trong đó tìm kiếm thị trường và khách hàng luôn nằm trong top 5 khó khăn lớn nhất mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam gặp phải (PCI, 2020-2024).

Trong bối cảnh kinh tế số hiện nay, khi hành vi mua sắm của người tiêu dùng ngày càng chuyển sang kênh trực tuyến, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19, và với sự phát triển mạnh mẽ của hạ tầng mạng tại Việt Nam, việc doanh nghiệp ưu tiên hai chủ đề này là điều dễ hiểu. Ngoài ra, 66% doanh nghiệp cũng lựa chọn chủ đề đào tạo về "Marketing số trong kinh doanh" (xem hình 19), cho thấy sự quan tâm đáng kể đối với việc nâng cao năng lực tiếp thị trong môi trường số.

HÌNH 17: Hình thức hỗ trợ sau đào tạo

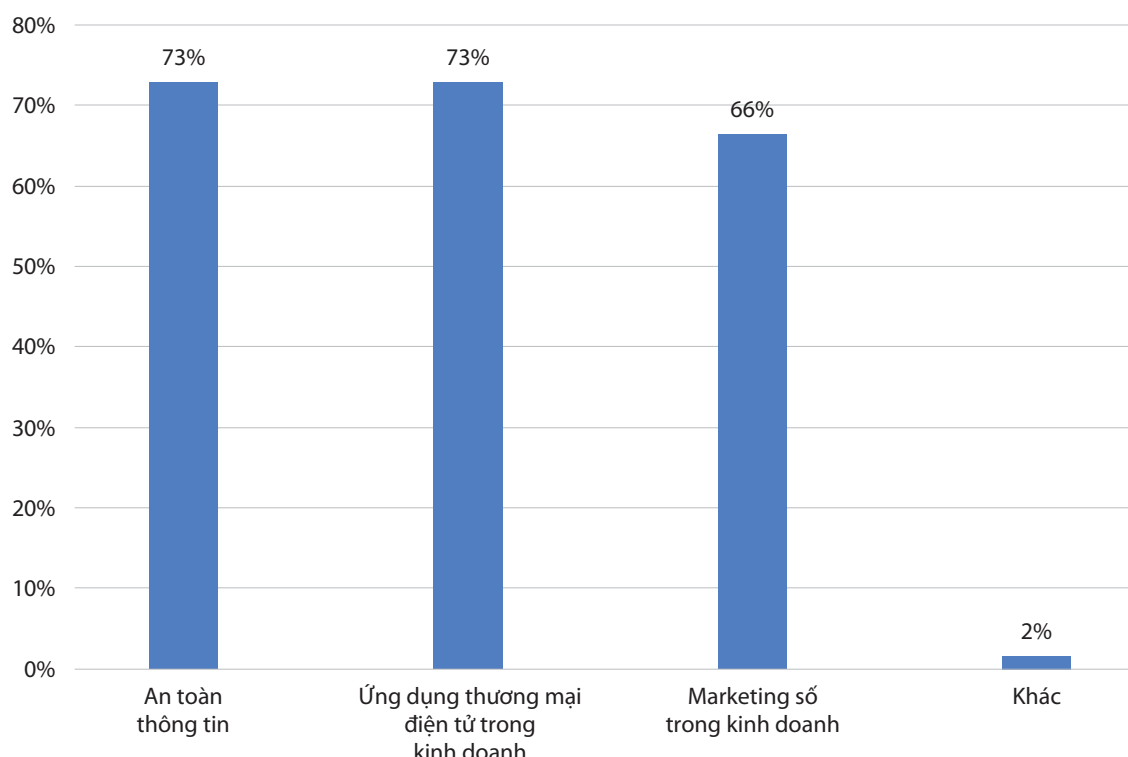


HÌNH 18: Quý Doanh nghiệp có nhu cầu được đào tạo nâng cao năng lực về an toàn thông tin trong nền kinh tế số không?



Kết quả lựa chọn nội dung học có sự khác biệt giữa 2 nhóm: tổ chức Hiệp hội và doanh nhân nữ. Cụ thể, doanh nhân nữ ưu tiên học về an toàn thông tin trong khi đó các tổ chức Hiệp hội ưu tiên hàng đầu là nội dung về ứng dụng thương mại điện tử. Kết quả khác biệt này có thể do sự chênh lệch về độ tuổi, mức độ trực tiếp tham gia vào công việc kinh doanh

HÌNH 19: Doanh nghiệp quan tâm đến chủ đề đào tạo nào sau đây?

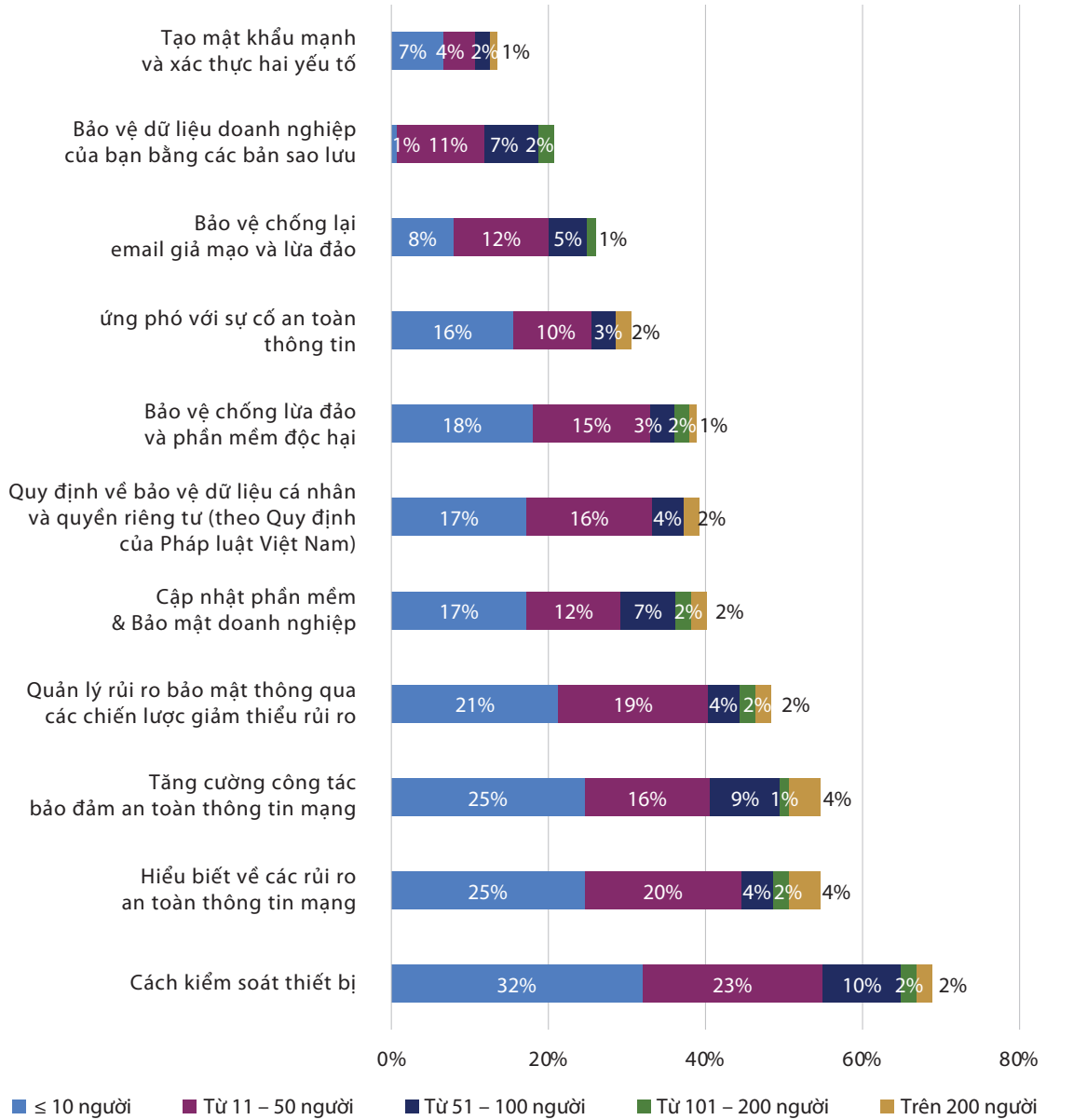


Nội dung học được doanh nghiệp quan tâm nhất là cách kiểm soát thiết bị, ứng dụng và tài khoản của cá nhân và của doanh nghiệp.

Dựa trên nội dung các học phần của khóa học trên GCA, bảng hỏi đề nghị doanh nghiệp lựa chọn tối đa 5 chủ đề trong số 11 nội dung liệt kê. Việc giới hạn lựa chọn này nhằm để tìm ra ưu tiên của doanh nghiệp. Ưu tiên hàng đầu là cách kiểm soát thiết bị, ứng dụng và tài khoản của cá nhân và của doanh nghiệp (67%), tiếp theo là hiểu biết về các rủi ro an toàn thông tin mạng (56%), tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng (55%), quản lý rủi ro bảo mật thông tin thông qua các chiến lược giảm thiểu rủi ro (45%). Ba nội dung có tỉ lệ chọn bằng nhau (đều là 40%) là: bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp bằng các bản sao lưu, cập nhật phần mềm & bảo mật doanh nghiệp; quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (theo quy định của pháp luật Việt Nam). Bốn nội dung còn lại có tỉ lệ chọn lần lượt là 39%, 30%, 26%, 13% là: bảo vệ chống lừa đảo và phần mềm độc hại, ứng phó với sự cố an toàn thông tin, bảo vệ chống lại email giả mạo và lừa đảo, tạo mật khẩu mạnh và xác thực hai yếu tố (xem hình 20).

Cá biệt, khi phân tích kỹ hơn cho thấy, doanh nghiệp lớn ưu tiên hàng đầu 2 chủ đề: hiểu biết về các rủi ro an toàn thông tin mạng (4%), tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng (4%) (xem hình 21).

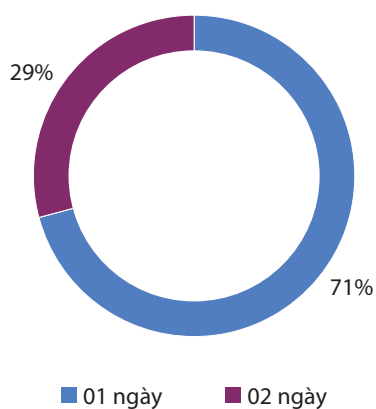
HÌNH 20: Liên quan đến đào tạo về an toàn thông tin, Quý doanh nghiệp quan tâm đến chủ đề nào sau đây?



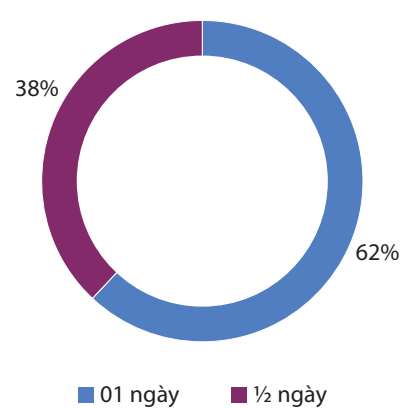
Phần lớn doanh nghiệp cho biết thời lượng đào tạo phù hợp nhất với đào tạo trực tiếp là 1 ngày (71%) và thời lượng đào tạo trực tuyến là ½ ngày (62%). Bên cạnh đó, có 29% doanh nghiệp đề xuất học trực tiếp 2 ngày, trong đó kết hợp việc tập trung học tại hội trường, đi tham quan thực tế một doanh nghiệp (xem hình 21). Tỷ lệ doanh nghiệp chọn học 2 ngày chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ phản ánh nhu cầu của họ không chỉ là cập nhật kiến thức mà còn là giao lưu mở rộng mối quan hệ và học hỏi kinh nghiệm thực tế của doanh nghiệp khác. (xem hình 22)

HÌNH 21: Thời lượng đào tạo phù hợp

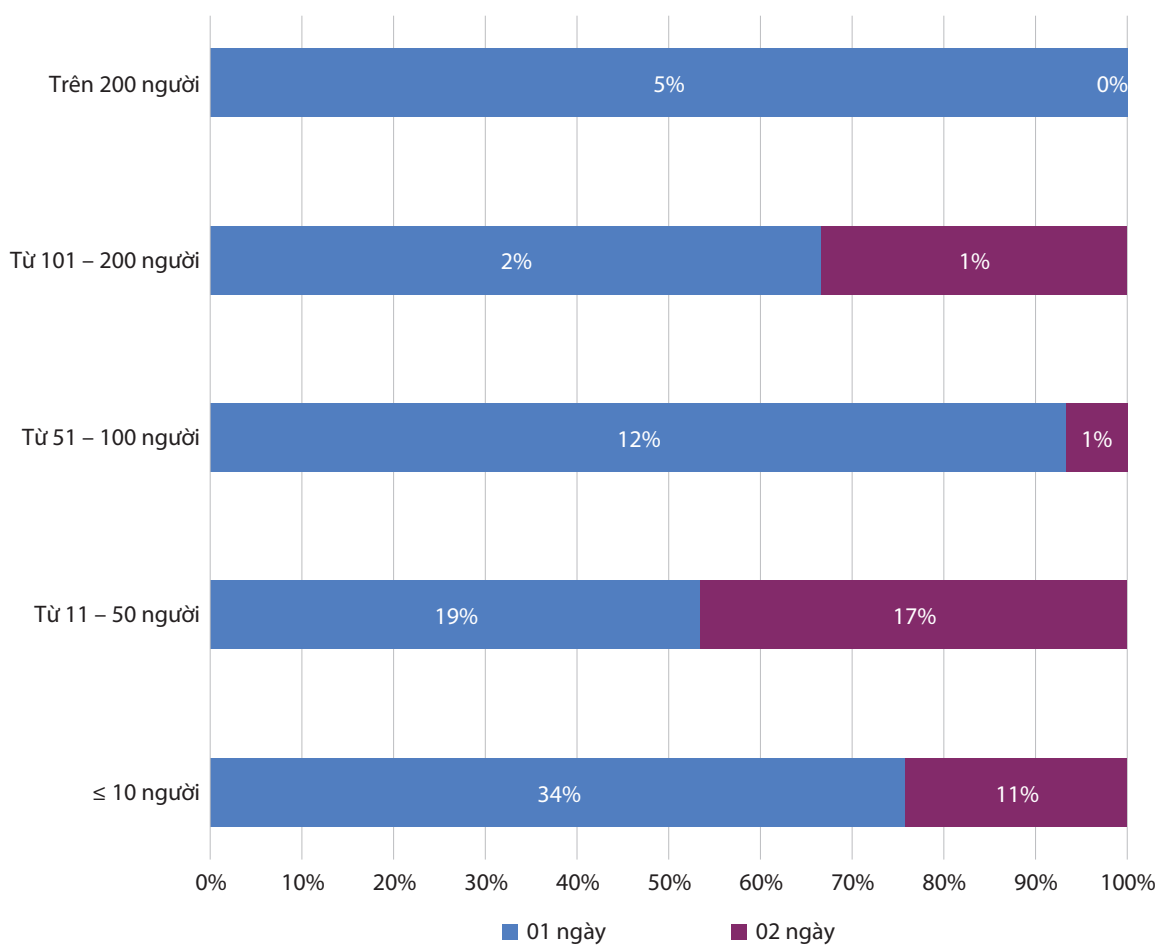
Thời lượng đào tạo phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tiếp



Thời lượng đào tạo phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tuyến

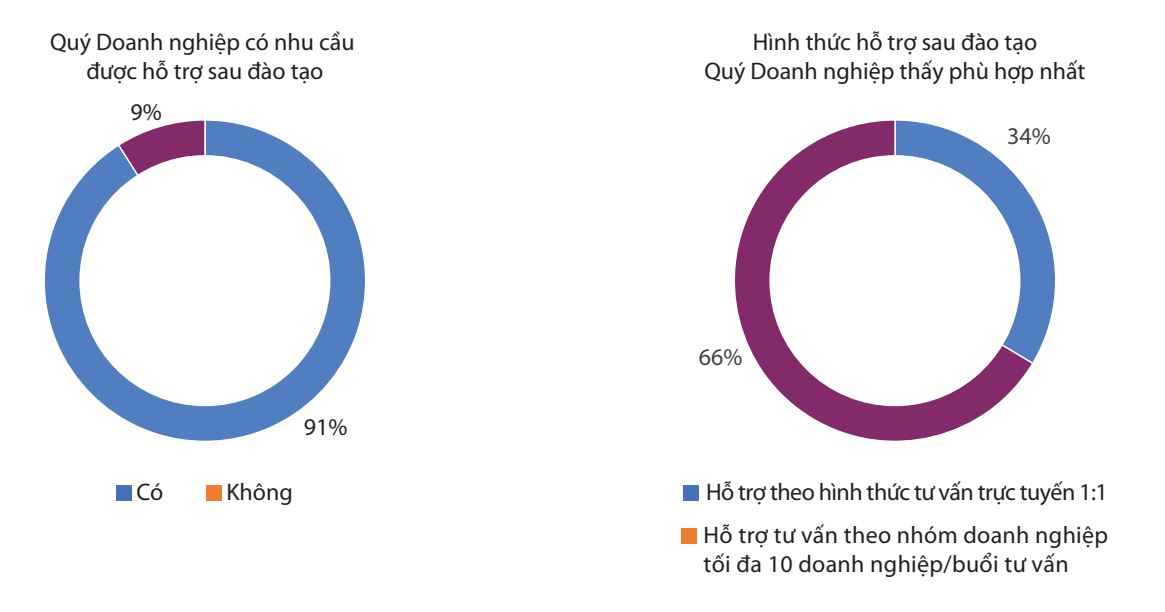


HÌNH 22: Chọn thời lượng đào tạo phù hợp nhất đối với hình thức đào tạo trực tiếp theo quy mô doanh nghiệp



91% doanh nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ sau đào tạo (91%) và có 66% muốn hỗ trợ theo nhóm 10 doanh nghiệp/1 buổi và 34% muốn hỗ trợ theo hình thức tư vấn trực tuyến 1:1. (xem hình 23)

HÌNH 23: Nhu cầu và hình thức hỗ trợ sau đào tạo



Tóm lại, qua tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp cho thấy nhiều người trong số họ đã có nhận thức đúng về trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin, xác định được trở ngại khi thực hiện cải thiện tình hình an toàn thông tin và nhu cầu được đào tạo về an toàn thông tin rất cao. Đây là những điểm tích cực vì một khi doanh nghiệp đã nhận thức được vấn đề thì việc tiếp tục tìm các nguồn lực, trong đó có tham gia đào tạo sẽ thuận lợi hơn.



IV. Một số đề xuất hoạt động đào tạo về an toàn thông tin

1. Đối với các tổ chức Hiệp hội

Nhìn chung, năng lực đảm bảo an toàn thông tin của các tổ chức này còn nhiều hạn chế. Bản thân, các tổ chức còn thiếu kiến thức, những chiến lược, biện pháp đảm bảo an toàn thông tin nên cũng chưa có những hoạt động hỗ trợ hội viên cụ thể.

Các cách thức trao đổi thông tin của tổ chức khá đơn giản. Các tổ chức này thường lập 3 nhóm zalo: nhóm ban thường vụ, nhóm ban chấp hành và nhóm với toàn thể các hội viên để giao tiếp, thông tin các hoạt động chung của tổ chức và chia sẻ những hình thức lừa đảo khi cá nhân doanh nhân nữ gặp phải.

Do đó

- (1) Cần phải nâng cao năng lực về an toàn thông tin cho chính các Tổ chức Hiệp hội.
- (2) Bên cạnh việc đào tạo về an toàn thông tin, cần hướng dẫn các Hiệp hội cách tuyên truyền sự cần thiết, các rủi ro thường gặp, các biện pháp phổ biến doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể áp dụng để đảm bảo an toàn thông tin. (các nội dung sẽ được xây dựng dựa trên các nội dung bài giảng dành cho doanh nghiệp của dự án).
- (3) Cung cấp bộ tài liệu được hình ảnh hóa, đơn giản, dễ hiểu để họ định kỳ tuyên truyền trong các nhóm zalo, các buổi họp. Với nguồn lực có hạn của dự án thì đây có thể là cách để tăng tính bền vững của hoạt động này.

Đề xuất chung đối với tổ chức Hiệp hội: Các tổ chức Hiệp hội doanh nhân nữ cấp tỉnh/thành phố nên có số liệu thống kê đầy đủ hơn về hội viên của tổ chức, ví dụ: Quy mô, ngành nghề kinh doanh, độ tuổi của chủ doanh nghiệp... để phục vụ cho việc thiết kế các hoạt động của tổ chức và hoạt động hỗ trợ hội viên.

2. Đối với Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, lãnh đạo

Hiện nay, dịch vụ đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ có thể chia làm ba nhóm theo đơn vị cung cấp dịch vụ: (1) dịch vụ đào tạo miễn phí, (2) dịch vụ đào tạo thu phí (3) dịch vụ đào tạo sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- (1) Dịch vụ đào tạo miễn phí: thường do các dự án hỗ trợ nâng cao năng lực và các nhà tài trợ phối hợp với cơ quan chính phủ hoặc các hội đồng/hiệp hội doanh nhân nữ tổ chức. Đối tượng tham gia là phụ nữ với trình độ, khả năng và nhu cầu đào tạo khác nhau, dẫn đến việc khóa học thiếu sự tập trung và chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu cụ thể của từng người.
- (2) Dịch vụ đào tạo có thu phí: Các khóa học này thường được cung cấp bởi các trường đại học, hội đồng/hiệp hội doanh nghiệp nữ, hoặc các công ty dịch vụ đào tạo và giáo dục. Tuy

nhiên, các đơn vị này chưa coi doanh nhân nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là đối tượng khách hàng chính, dẫn đến việc thiếu đầu tư vào nghiên cứu và thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp.

- (3) Đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước: Các khóa đào tạo này được tài trợ từ ngân sách nhà nước trung ương và địa phương, tuy chất lượng đang dần được nâng cao nhưng số lượng còn ít.

Các nội dung đào tạo thường xoay quanh các kiến thức cơ bản, nâng cao về từng lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp như tài chính, nhân sự, bán hàng, Marketing; các kiến thức bổ trợ như: pháp luật, kỹ năng mềm, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... nhưng chưa thật sự đầu tư lồng ghép yếu tố giới, thiếu sự quan tâm đến khía cạnh tâm lý và trở ngại xã hội của phụ nữ.

Phương pháp đào tạo truyền thống chưa thực sự phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ. Cụ thể, (i) các khóa đào tạo chủ yếu học theo lớp học truyền thống, do vậy doanh nhân nữ gặp khó khăn trong việc tiếp thu, tương tác, thực hành; (ii) Thiếu các khóa đào tạo tại doanh nghiệp gắn chặt với thực trạng, điều kiện của doanh nghiệp.

Dựa trên kết quả bảng hỏi và thực trạng về hoạt động đào tạo cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nêu trên, nhóm tư vấn đề xuất một số điểm như sau:

3. Về nội dung đào tạo

- (1) Nội dung khóa học nên được thiết kế lồng ghép nội dung an toàn thông tin doanh nghiệp với ứng dụng thương mại điện tử, Marketing số trong kinh doanh;
- (2) Phần nội dung đào tạo về an toàn thông tin nên sử dụng cả 11 học phần gồm: (hiểu biết về các rủi ro an toàn thông tin mạng; Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Cách kiểm soát thiết bị, ứng dụng và tài khoản của cá nhân và của doanh nghiệp; Cập nhật phần mềm & Bảo mật doanh nghiệp; Tạo mật khẩu mạnh và xác thực hai yếu tố; Bảo vệ chống lừa đảo và phần mềm độc hại; Bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp của bạn bằng các bản sao lưu; Bảo vệ chống lại email giả mạo và lừa đảo; Ứng phó với sự cố an toàn thông tin; Quản lý rủi ro bảo mật thông qua các chiến lược giảm thiểu rủi ro; Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư) trong đó có ưu tiên 7 học phần mà doanh nghiệp quan tâm nhất gồm: (cách kiểm soát thiết bị, ứng dụng và tài khoản của cá nhân và của doanh nghiệp; Hiểu biết về các rủi ro an toàn thông tin mạng; Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Quản lý rủi ro bảo mật thông tin thông qua các chiến lược giảm thiểu rủi ro; Bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp bằng các bản sao lưu; Cập nhật phần mềm & bảo mật doanh nghiệp; Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư) theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, nên chọn lựa 2-4 học phần cho mỗi khóa học;
- (3) Thiết kế câu hỏi trên các ứng dụng trực tuyến (như Kahoot, Quizlet, ...) trước và sau buổi học để đánh giá kết quả tiếp thu đồng thời giúp học viên rà soát lại các điểm cần nhớ, tăng sự hứng khởi của học viên;

- (4) Trong bài giảng nên lưu ý các yếu tố giới thông qua các ví dụ, hình ảnh, màu sắc sử dụng, ngôn ngữ, cách xưng hô.

4. Về hình thức tổ chức

- (1) Thời lượng 1 ngày đối với khóa trực tiếp, 2 giảng viên.
- (2) Phương pháp đào tạo: sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm. Giảng dạy kết hợp với thảo luận, hỏi đáp. Giờ học nên bắt đầu lúc 8h sáng và kết thúc trước lúc 4h30 chiều để chị em thu xếp việc cá nhân. Hỗ trợ sau đào tạo rất cần thiết đặc biệt là với nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ (dưới 10 lao động) có chủ doanh nghiệp là phụ nữ trẻ (dưới 30 tuổi) vì các chủ doanh nghiệp nhóm này thường bận rộn, phải đảm nhiệm gần như tất cả các hoạt động của doanh nghiệp nên thiếu thời gian tự học nâng cao kỹ năng; và nhóm nữ chủ doanh nghiệp trên 50 tuổi thường gặp khó khăn khi tiếp cận công nghệ.
- (3) Thời lượng học trực tuyến tối đa 3 tiếng/1 buổi, cần nhắc khung giờ 2h30 – 4h30 chiều, 8h00 - 9h30 tối.

5. Giảng viên

Giảng viên thích hợp và có trình độ, kinh nghiệm là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến thành công của các khóa đào tạo. Giảng viên cần có kiến thức chuyên môn, hiểu về doanh nghiệp nữ và kinh nghiệm thực tiễn.



